

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165/2023/DS-ST**

Ngày: 27/10/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh Khai, phường L, quận K, Thành phố C

Đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P** – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L** – Phó Giám đốc phòng quản lý nợ.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Xuân A**, sinh năm 1989- chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt)

Địa chỉ: lầu Tòa nhà B, Cách Mạng Tháng Tám, phường L, quận K, Thành phố C

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố B, phường F, thành phố BT, tỉnh BT

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Lý Thanh Nh**, sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố B, phường F, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà A trình bày:

Ngày 28/4/2022 Ngân hàng TMCP A (ACB) và bà Nguyễn Thị Ngọc N thỏa thuận về điều khoản và điều kiện tín dụng, đồng thời hai bên ký Hợp đồng tín dụng số TIG.CN 1188.280422, Phụ lục hợp đồng số TIG.CN 1188.280422/PL-01, ngày 08/12/2022 ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TIG.CN 1188.280422/SĐBS-02 về việc sửa đổi điều khoản 1.1 Điều 1 về hạn mức tín dụng và điểm 4.1.1 khoản 4.1 Điều 4 về biện pháp bảo đảm và các cam kết.

Theo đó hạn mức tín dụng là: 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng); mục đích cho vay là Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh cầm đồ (Cầm xe, vàng nữ trang,...), phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân được quy định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn cho vay được quy định trong từng kế ước, thời hạn giải ngân 24 tháng kể từ ngày được cấp hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn được quy định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn ngày 22/3/2023 ACB ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của các kế ước nhận nợ nêu trên; cụ thể:

- Kế ước nhận nợ số 36724539 ngày 18/7/202 là 192.211.217 đồng trong đó: vốn gốc 166.220.000 đồng; lãi trong hạn 1.668.663 đồng; lãi quá hạn 23.678.153 đồng; lãi phạt 644.401 đồng.

- Kế ước nhận nợ số 376402699 ngày 25/10/2022 là 2.403.107.592 đồng trong đó: vốn gốc 2.100.000.000 đồng; lãi trong hạn 74.506.849 đồng; lãi quá hạn 220.068.493 đồng; lãi phạt 8.532.250 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Ngọc N, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 2.126,6m² thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CX 740718 số vào sổ cấp GCN CS 06074 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc N ngày 28/9/2020. Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.294261020 được ký tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, số công chứng 10389 quyền số 1 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam ngày 27/10/2020

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 177m² thuộc thửa 471, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CL 182141 số vào sổ cấp GCN CS 05440 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Lý Thanh Nh ngày 28/9/2017. Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.298100420 được ký tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, số công chứng 3166 quyền số 1 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng

ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam ngày 14/4/2020

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, bằng văn bản này Ngân hàng TMCP A kính đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn thiếu tính đến ngày 27/10/2023 là 2.595.318.809 đồng; trong đó vốn gốc là 2.266.220.000 đồng, lãi trong hạn là 76.175.512 đồng; lãi quá hạn là 243.746.646 đồng; lãi phạt chậm là 9.176.651 đồng và các phần lợi phát sinh theo các điều kiện thỏa thuận từ ngày 28/10/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 19/10/2023 Ngân hàng có Công văn số 4794/CV-QLN.23 xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 2.126,6m² thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CX 740718 sổ vào sổ cấp GCN CS 06074 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc N ngày 28/9/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lần triệu tập hợp lệ bà N và bà Nh đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N, bà Nh vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Nguyễn Lý Thanh Nh trả số tiền đã vay theo hợp đồng giữa các bên ký kết và hiện bà N, bà Nh đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Nguyễn Lý Thanh Nh mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Ngân và bà Nhi vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà N, bà Nh vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, bà Nh.

[2] *Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện:*

Hội đồng xét thấy, Hợp đồng tín dụng số TIG.CN 1188.280422, Phụ lục hợp đồng số TIG.CN 1188.280422/PL-01 ký ngày 28/4/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TIG.CN 1188.280422/SDBS-02 về việc sửa đổi điều khoản 1.1 Điều 1 về hạn mức tín dụng và điểm 4.1.1 khoản 4.1 Điều 4 về biện pháp bảo đảm và các cam kết ký ngày 08/12/2022. Theo đó hạn mức tín dụng là: 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu

đồng); mục đích cho vay là Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh cầm đồ (Cầm xe, vàng nữ trang,...), phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân được qui định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn cho vay được qui định trong từng kế ước, thời hạn giải ngân 24 tháng kể từ ngày được cấp hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn được qui định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn ngày 22/3/2023 ACB ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của các kế ước nhận nợ nêu trên.

Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 2.595.318.809 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/10/2023 đến ngày bà N trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nhận thấy:

Trong đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP A có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 2.126,6m² thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CX 740718 số vào sổ cấp GCN CS 06074 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc N ngày 28/9/2020. Tuy nhiên ngày 19/10/2023 Ngân hàng có Công văn số 4794/CV-QLN.23 xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, việc xin rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện do đó nghĩ nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 177m² thuộc thửa 471, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CL 182141 số vào sổ cấp GCN CS 05440 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Lý Thanh N ngày 28/9/2017. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.228.1000420 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, tỉnh Bến Tre, số công chứng 3166, quyển số 1TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai huyện Mỏ Cày Nam ngày 14/4/2020 thì Hợp đồng thế chấp này được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà N phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 83.906.300 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm lẻ sáu ngàn ba trăm đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bà Nguyễn Thị Ngọc N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 27/10/2023 là 2.595.318.809 đồng (Hai tỷ năm trăm chín mươi lăm triệu ba trăm mười tám ngàn tám trăm lẻ chín đồng); trong đó vốn gốc là 2.266.220.000 đồng, lãi trong hạn là 76.175.512 đồng; lãi quá hạn là 243.746.646 đồng; lãi phạt chậm là 9.176.651 đồng. Bà N còn phải tiếp tục chịu lãi suất và các phần lãi phát sinh theo các điều kiện hai bên thỏa thuận từ ngày 28/10/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.228.1000420 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, tỉnh Bến Tre, số công chứng 3166, quyển số 1TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai huyện Mỏ Cày Nam ngày 14/4/2020

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 177m² thuộc thửa 471, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CL 182141 số vào sổ cấp GCN CS 05440 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Lý Thanh Nh ngày 28/9/2017.

Đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 2.126,6m² thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận số CX 740718 số vào sổ cấp GCN CS 06074 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc N ngày 28/9/2020.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp là 83.906.300 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm lẻ sáu ngàn ba trăm đồng). Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 39.639.900 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn chín trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003044 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Thúy Nguyễn Thị Bé Em Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phong

Tổng dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 114.462.135 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng.

giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018; Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1] Đối với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018, bà Hai được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre cấp Loại thẻ JCB classic, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 2,6%/tháng. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kiên Thị Thu Hai đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 91.400.000 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/11/2018 đến ngày 22/07/2022 bà Kiên Thị Thu Hai thanh toán tổng cộng 42.164.918 đồng.

Sau khi tiến hành khởi kiện, ngày 26/09/2022 bà Kiên Thị Thu Hai thanh toán

cho ngân hàng 1.150.000, ngày 26/10/2022 thanh toán 1.240.000 đồng. Ngân hàng đã thu vào vốn gốc khoản vay thẻ tín dụng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 114.462.135 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng.

Bà Hai đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hai trả số tiền này và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/4/2023 đến ngày bà Hai trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018, bà Kiên Thị Thu Hai và ông Nguyễn Văn Linh vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: sửa nhà; lãi suất: 14,4%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 5.000.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 17/10/2018 đến ngày 13/4/2023 bà Kiên Thị Thu Hai và ông Nguyễn Văn Linh vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 370.773.788 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 265.000.000 đồng; Lãi đã trả: 105.773.788 đồng.

Tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ lại là 35.460.000 đồng; trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng.

Bà Hai đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hai trả số tiền này và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2023 đến ngày bà Hai trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019, bà Kiên Thị Thu Hai và ông Nguyễn Văn Linh vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng; lãi suất: 13,2%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 4.170.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 28/05/2019 đến ngày 13/4/2023 bà Kiên Thị Thu Hai và ông Nguyễn Văn Linh vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 263.178.227 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 187.650.000 đồng; Lãi đã trả: 75.518.227 đồng.

Tổng vốn lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng. Lãi trong hạn: 386.000 đồng.

Hội đồng xét thấy:

Bà Ngân đã được cấp thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018 là 90.000.000 đồng, bà đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 91.400.000 đồng. Tổng dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 là:

114.462.135 đồng. (Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng).

Bà Hai và ông Linh vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018, số tiền 300.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hai và ông Linh đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 370.773.788 đồng. (Trong đó: Vốn đã trả: 265.000.000 đồng; Lãi đã trả: 105.773.788 đồng). Tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ lại là 35.460.000 đồng; trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng.

Bà Hai và ông Linh vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019, số tiền 250.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hai và ông Linh đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 263.178.227 đồng. (Trong đó: Vốn đã trả: 187.650.000 đồng; Lãi đã trả: 75.518.227 đồng). Tổng vốn lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; (trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng; Lãi trong hạn: 386.000 đồng).

Việc bà Ngân không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Ngân trả số tiền nợ thẻ tín dụng, yêu cầu bà Ngân trả nợ theo hợp đồng tín dụng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/4/2023 đến ngày bà Hai, bà Hai và ông Linh trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/10/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và theo hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tổng số tiền bà Ngân phải trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu là 114.462.135 đồng. (Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng).

Tổng số tiền mà bà Hai và ông Linh liên đới trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre là nợ gốc là lãi là 94.026.000 đồng. (trong đó gốc là 93.180.000 đồng; lãi là 846.000 đồng)

Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.294.261020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, tỉnh Bến Tre, số công chứng 10398, quyển số 1TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai huyện Mỏ Cày Nam ngày 27/10/2020 thì: Phần đất có diện tích 2.126,6m² thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre trước đây do bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Hiệp và bà Võ Thị Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng được xác lập vào ngày 14/9/2020. Tuy nhiên tại Bản án dân sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam và Bản án dân sự phúc thẩm số 216/2022/DSPT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên: “...Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng của thửa đất 485, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.216,6m² tọa lạc tại xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giữa ông Nguyễn Văn Hiệp bà Võ Thị Hà với chị Nguyễn Thị Ngọc Ngân được xác lập ngày 14/9/2022 vô hiệu...”. Hiện tại Bản án phúc thẩm đang có hiệu lực pháp luật nên không thể chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản mà bà Ngân đã thế chấp để đảm bảo thi hành án do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ngân hàng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Triều